TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/DS-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2022
Về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể.
Ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Hồng Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST- DS ngày 14/7/2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST- DS ngày 22/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng N
Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận Đ, Thành phố H
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1 – Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T2– Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh S, tỉnh T
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh T
Người nhận ủy quyền lại: Ông Phạm Trọng T3 – Phó Giám đốc Phụ trách Phòng giao dịch K, huyện S, tỉnh T.Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh T. (Ông T3).

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Quốc B, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt không có lý do.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện S, tỉnh T. Do ông Âu Văn L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm đại diện theo pháp luật. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

+ Anh Trần Quốc T4, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q1, huyện S, tỉnh T. Tạm trú: Thôn Cị, xã H, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, người đại diện của bên nguyên đơn Ngân hàng N, Chi nhánh huyện S, tỉnh T - Phòng giao dịch K trình bày:

Ngày 06/11/2018 ông Trần Quốc B ký kết hợp đồng tín dụng số 228 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (A), Chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch K, nội dung vay tiền để cải tạo sửa chữa nhà ở, số tiền gốc 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng),* lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày nhận tiền vay là 06/11/2018, thời hạn vay đến 05/11/2019, sau đó được gia hạn đến hết ngày 03/11/2020 tại phụ lục hợp đồng số 228/PLHĐ. Con trai ông B là anh Trần Quốc T4 thừa kế nghĩa vụ cho khoản vay.

Tài sản đảm B cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất diện tích 287,4m^2, thuộc thửa số 110 tờ bản đồ 42 tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 284461, số vào sổ cấp đất số CH 05872 ngày 31/01/2018, do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Trần Quốc B và tài sản gắn liền với đất là nhà xây kiên cố 03 tầng (chưa sơn và chưa lắp một số cửa sổ). Tài sản thế chấp nêu trên là tài sản riêng của ông Trần Quốc B. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K với ông Trần Quốc B.

Kể từ khi vay tiền, ông B mới trả lãi được tổng cộng 11.478.082 đồng, còn toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại không trả, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần. Khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/11/2020.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng),* lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký, tính đến ngày 26/01/2022 là 481.438.585đ *(Bốn trăm tám mươi mốt triệu,bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng).*

Nếu ông B không không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản B đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc T4 trình bày: Anh (Trần Quốc T4) là con trai của ông Trần Quốc B. Anh có biết việc bố anh là ông Trần Quốc B vay Ngân hàng N, Chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch K số tiền nợ gốc 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* và anh là người ký thừa kế nghĩa vụ tại văn bản "Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống" ngày 05/11/2018. Anh xác định khoản vay nêu trên là của riêng ông B, anh không được sử dụng khoản tiền vay này; tài sản

thế chấp để đảm B cho khoản vay cũng là tài sản riêng của ông B, không liên quan đến anh và mẹ anh là bà Nguyễn Thị P.

- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh T, do ông Âu Văn L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm đại diện trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh T có chứng thực Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K với ông Trần Quốc B. Cụ thể ông B thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 287,4m^2, thuộc thửa số 110 tờ bản đồ 42 tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 284461, số vào sổ cấp đất số CH 05872 ngày 31/01/2018, do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Trần Quốc B và tài sản gắn liền với đất là nhà xây kiên cố 03 tầng, để ông B vay tiền tại Ngân hàng. Tại thời điểm thế chấp, hai bên đều tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành chứng thực theo quy định, vào số chứng thực tại thứ tự 120 ngày 05/11/2018, quyển số 01 Hợp đồng giao dịch.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Trần Quốc B đến Tòa án để làm việc; thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông B không có mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Ông Trần Quốc B hiện cư trú tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T, đang đi làm tại địa phương hoặc địa phương khác không cố định, không thông báo địa chỉ nơi làm việc cho địa phương; tài sản của ông B đã thế chấp tại Ngân hàng hiện còn nguyên hiện trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm B đúng quy định; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Điều 26, 35; 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 299, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T – Phòng giao dịch K.

Buộc ông Trần Quốc B phải trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K, theo Hợp đồng tín dụng số 228 ngày 06/11/2018, bao gồm tiền gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng. Trường hợp ông B không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018, giữa Ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K với ông Trần Quốc B.

Ông Trần Quốc B phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Quốc B. Ông B có hộ khẩu thường trú tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T. Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, nhiều lần triệu tập, tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Quốc B không đến Tòa làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Đây được coi là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 228 ngày 06/11/2018, phụ lục hợp đồng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018 và các tài liệu khác trong hồ sơ tín dụng giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K với ông Trần Quốc B; chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Q huyện S và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T – Phòng giao dịch K số tiền gốc 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* là đúng thực tế, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày nhận tiền vay là 06/11/2018, thời hạn vay đến 05/11/2019, sau đó được gia hạn đến hết ngày 03/11/2020 tại phụ lục hợp đồng số 228/PLHĐ. Từ 04/11/2020 khoản vay chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất là 15,75%/năm.

Sau khi vay tiền, ông B đã không trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết (mới trả lãi được 11.478.082 đồng) là vi phạm hợp đồng, vì vậy nguyên đơn khởi kiện đối với ông Trần Quốc B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Quốc B phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T – Phòng giao dịch K tổng số tiền 481.438.585đ *(Bốn trăm tám mươi mốt triệu,bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng)*. Trong đó số tiền gốc 350.000.000 đồng, lãi 131.438.585 đồng.

Lãi suất được xác định như sau:

+ Lãi trong hạn từ 06/11/2018 đến 03/11/2020: 728 ngày x 10,5%/năm x 350.000.000 đồng = 74.316.667 đồng.

+ Lãi quá hạn từ 04/11/2020 đến 26/01/2022 (ngày xét xử sơ thẩm): 448 ngày x 15,75%/năm x 350.000.000 đồng = 68.600.000 đồng.

Tổng lãi là 142.916.667 đồng - 11.478.082 đồng (đã trả) = 131.438.585 đồng.

- Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B sử dụng tài sản của mình là quyền sử dụng đất diện tích 287,4m^2, thuộc thửa số 110 tờ bản đồ 42 tại thôn S1, xã Q, huyện S, tỉnh T và tài sản gắn liền với đất là nhà xây kiên cố 03 tầng để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Đây là tài sản đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng cho ông B; con trai ông B là anh Trần Quốc T4 xác định, anh (T4) và mẹ anh là bà Nguyễn Thị P không liên quan đến tài sản thế chấp này; việc thế chấp tài sản đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018 có hiệu lực pháp luật, nếu ông B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo và vấn đề khác:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Quốc T4 là người ký thừa kế nghĩa vụ tại văn bản "Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống" ngày 05/11/2018, nhưng anh T4 không được sử dụng khoản tiền vay này; bên nguyên đơn cũng không yêu cầu anh T4 phải trả khoản tiền do ông B vay. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35; 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 299, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K.

Buộc ông Trần Quốc B phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K số tiền **481.438.585đ** (*Bốn trăm tám mươi mốt*

triệu,bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó số tiền gốc 350.000.000 đồng, lãi 131.438.585 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 228 ngày 06/11/2018 và phụ lục hợp đồng kèm theo.

Trường hợp ông Trần Quốc B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K có quyền phát mại tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 228/HĐTC ngày 05/11/2018.

Khoản tiền phải trả kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án (26/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 228 ngày 06/11/2018.

2. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Ông Trần Quốc B phải nộp 23.257.500đ *(Hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự có giá ngạch.

- Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T- Phòng giao dịch K không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh T - Phòng giao dịch K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.710.000đ *(Mười triệu, bảy trăm mười nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003932 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Ma Quốc Thể	**Phạm Văn Vượng**	**Bàn Văn Thế**